

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/BAST-DS

Ngày: 09/12/2020

V/v: Tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Ngô Thị T

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn B .

2. Bà Hà Thị T .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâu Văn C là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết T - Viện KSND huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Đòi tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 28/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐHPT-ST ngày 22/10/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐHPT-ST ngày 18/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị A - Sinh năm 1977. (Có mặt).

Trú tại: Khu 4, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đinh Quang T - Sinh năm 1984. (Vắng mặt lần thứ hai).

Trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Người có QLVNVLQ: Chị Hà Thị L , sinh năm 1986 (Vắng mặt lần thứ hai).

Trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; các bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị A trình bày: Ngày 31/5/2015 chị có cho anh Đinh Quang T vay số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) hai bên thỏa thuận lãi xuất là theo quy định của Nhà nước, thời hạn trả nợ là 01 (*Một*) tháng. Đến hạn, anh T không trả nợ cho chị được nên xin trả nợ cho chị vào tháng 10 năm 2016, đến hạn trả nợ anh T không thực hiện, chị An đã nhiều lần tìm gặp anh T để đòi nợ, nhưng anh T khất, kể từ khi vay tiền đến nay anh T

chưa trả cho chị An đồng nào. Nay Chị A đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T phải cho chị số tiền gốc vay là 20.000.000 đồng và số tiền lãi kể từ ngày vay đến nay, số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng Nông nghiệp huyện Mường Lát tại thời điểm anh tuyên vay tiền đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án để nhận thông báo về việc thụ lý và quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn sao nộp nhưng anh T không chấp hành theo thời gian ghi trong thông báo và giấy triệu tập, theo anh T trình bày thì do anh bận công tác, không có mặt tại địa phương trong thời điểm chị A khởi kiện. Tòa án đã triệu tập đến lần thứ 3 thì tháng 4/2020 anh T đã có mặt tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh T, anh T có bản tự khai nêu ý kiến về việc chị A khởi kiện anh là không đúng, vì anh đã trả nợ hết số tiền 20.000.000 đồng cho chị A. Anh có đưa ra chứng cứ là đã nhờ vợ cũ của anh là chị Hà Thị L, sinh năm 1986, là giáo viên trường Mầm non thị trấn Mường Lát. Tòa án Mường Lát đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị L nhưng chị L đều không đến Tòa án cho lời khai về việc trả nợ giúp anh T, chị cũng không tham gia phiên hòa giải. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu anh T cung cấp chứng cứ việc trả nợ cho chị A nhưng anh T không cung cấp được. Anh T không tham gia phiên hòa giải cũng không chứng minh được việc anh đã trả nợ cho chị A.

Tòa án xét thấy việc anh Đinh Quang T và chị Hà Thị L vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn vắng mặt lần thứ 2 mà không có đơn xin xử vắng mặt, nên đã căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 và các bên đang tranh chấp, nên áp dụng các quy định của Bộ luật số 33/2005/QH11 để giải quyết theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, thời hạn khởi kiện đã hết (Quá 03 năm) nên quan hệ pháp luật tranh chấp này được xác định là: “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2011.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn Đinh Quang T có nơi cư trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự, qua xem xét ý kiến trình bày, lời khai của các đương sự trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng dân sự: Tại giấy vay tiền ngày 31/5/2015 thể hiện chị Vũ Thị A có cho anh Đinh Quang T mượn số tiền 20.000.000 đồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận việc vay mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện, các đương sự tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung, mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng dân sự này có hiệu lực pháp luật đối với các chủ thể giao kết và được pháp luật bảo vệ, theo quy định tại Điều 122 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Về xác định số tiền vay: Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Vũ Thị A trình bày, trong suốt quá trình tổ tụng và tại phiên tòa đều khẳng định vào các ngày 31/5/2015 anh Đinh Quang T có mượn của chị số tiền 20.000.000 đồng. Anh T hẹn sẽ trả cho chị A sau một tháng với lãi suất theo quy định của Nhà Nước. Trong suốt quá trình tổ tụng anh Tuyên công nhận có vay tiền của chị A nhưng anh đã trả và không lấy lại giấy vay tiền nhưng không chứng minh được việc anh trả tiền cho chị A. Như vậy, việc anh T còn nợ chị A số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc là có thật, được các bên đương sự thừa nhận, phù hợp với các giấy mượn tiền ngày 31/5/2015. Do đó, nguyên đơn chị Vũ Thị A khởi kiện yêu cầu anh Đinh Quang T phải trả lại cho chị A số tiền gốc vay 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Đinh Quang T phải trả lại cho chị A số tiền gốc vay là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

[2.3] Về việc tính lãi theo thỏa thuận của các đương sự: Quá trình tổ tụng, nguyên đơn Vũ Thị A yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận buộc anh T phải trả cho chị đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Do hợp đồng chị A và anh T ký vào ngày 31/5/2015 và anh T hẹn trả cho chị A vào tháng 10/2016 được chị A chấp nhận, chị A có khai là sau tháng 10/2016 chị đã nhiều lần đòi tiền nhưng Anh T khất lần chưa trả cho chị, ngày 16/12/2020 chị A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã quá thời hạn khởi kiện (03 năm) đối với, giấy vay tiền nên chị A không được tính lãi đối với khoản vay 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị A không yêu cầu tính lãi mà yêu cầu anh T trả tiền gốc vay 20.000.000đ cho chị là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với anh Đinh Quang T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các loại văn bản giấy tờ tổ tụng theo quy định của pháp luật, việc anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Đinh Quang Tuyên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 302, 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị A đối với anh Đinh Quang T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về đòi tài sản”.

2. Tuyên xử: Buộc anh Đinh Quang T phải trả cho chị Vũ Thị A 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Quang T phải chịu là: 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Hoàn trả cho chị Vũ Thị A số tiền tạm ứng án phí 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 000929 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV, TAND tỉnh TH;
- CC THADS huyện Mường Lát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị T